

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án: 01/2020/HNGĐ-PT

Ngày: 08-01-2020

V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Vân

Các Thẩm phán:

Ông Trần Quốc Vũ

Bà Trương Thị Tuyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Mên – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh TN.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh TN: Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh TN xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 47/2019/TLPT-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2019 về việc “*Tranh chấp ly hôn*”.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 46/2019/HNGĐ-ST ngày 08 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân huyện BC, tỉnh TN bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 44/2019/QĐ-PT, ngày 18 tháng 12 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thanh N, sinh năm: 1997; Cư trú: Số 96, ấp GT, xã GL, huyện TB, tỉnh TN; có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Phạm Thanh P, sinh năm: 1984; Cư trú: Số 77, ấp LH2, xã LC, huyện BC, tỉnh TN; có mặt.

Do có đơn kháng cáo của anh Phạm Thanh P là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11 tháng 7 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thanh N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh P tìm hiểu và tự nguyện tiến đến hôn nhân năm 2017, có tổ chức lễ cưới, đến ngày 06/01/2017 đăng ký kết hôn tại UBND xã GL, huyện TB, tỉnh TN. Sau khi cưới, anh P ở rể được 01 năm sau vợ chồng ra ở riêng, thời gian sống hạnh phúc đến tháng 4/2019 thì nhiều lần phát sinh mâu thuẫn do anh P không lo làm ăn, chăm sóc con chung mà bộc lộ bản tính nhỏ nhen, so bì ty nạnh với anh chị trong gia đình, dù chị nhiều lần khuyên nhưng anh P không thay đổi nên chị về nhà cha mẹ ruột ở và ly thân đến nay. Trong thời gian ly thân, chị và anh P không hàn gắn tình cảm vợ chồng lại được. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị yêu cầu ly hôn với anh P.

Về con chung: Chị và anh P chung sống có một con chung tên Phạm Thanh Duy, sinh ngày 18/11/2017 hiện tại con chung đang sống với chị, khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị trình bày không có.

Bị đơn - anh Phạm Thanh P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Về cơ sở hôn nhân, thời gian chung sống, đăng ký kết hôn như chị N trình bày. Nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến chị N ly hôn là sau khi cưới, anh sống ở rể và lệ thuộc gia đình bên vợ, từ đó mâu thuẫn giữa anh và chị N thường xuyên bất đồng và không có tiếng nói chung, chị N bỏ về nhà mẹ ruột ở từ tháng 4/2019. Thời gian ly thân, anh có thiện chí đoàn tụ, nhưng chị N không đồng ý và kéo dài đến nay, anh không có giải pháp hàn gắn. Nay anh còn tình cảm với chị N, thương con nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh và chị N có 01 con chung như chị N trình bày, do anh yêu cầu đoàn tụ nên anh không yêu cầu giải quyết về con chung.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh trình bày không có.

Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 46/2019/HNGĐ-ST ngày 08/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện BC, tỉnh TN đã tuyên xử:

Căn cứ các Điều 28, 35, Điều 39; điểm b Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Phạm Thanh N. Chị N được ly hôn với anh P.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Thanh Duy, sinh ngày 18/11/2017 cho chị N tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận chị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Anh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị N và anh P không yêu cầu, nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị N và anh P trình bày không có, nên Tòa án không đặt ra xem xét.

Ngoài ra, Tòa án cấp Sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền và nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 21/11/2019, anh Phạm Thanh P có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét cho anh được đoàn tụ với chị N và được nuôi con chung tên Phạm Thanh Duy, sinh ngày 18/11/2017.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh TN tham gia phiên tòa có ý kiến như sau:*

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng những quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của anh Phạm Thanh P. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm số 46 ngày 08/11/2019 của TAND huyện BC, tỉnh TN.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị N và anh P kết hôn trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, đã thực hiện đăng ký kết hôn và được UBND xã GL, huyện TB, tỉnh TN cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 06-01-2017 đúng theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Trong thời gian chung sống hai anh chị thường xuyên mâu thuẫn, bất đồng giữa gia đình anh P với chị N, dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn kéo dài, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đến tháng 4/2019 chị N đã bỏ về nhà mẹ ruột ở, hai anh chị sống ly thân với nhau cho đến nay.

[2] Xét kháng cáo của anh P thấy rằng: Qua các tài liệu chứng cứ thu thập tại cấp sơ thẩm, chị N và anh P sau khi cưới anh P về sống tại nhà của cha mẹ ruột chị N được một thời gian, thì được gia đình chị N cất nhà cho ra sống riêng, thời gian đầu anh chị sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng trong cư xử sinh hoạt hằng ngày giữa anh P với gia đình chị N dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn gây gổ nhau chị N về nhà mẹ ruột sống, còn anh P cũng về cha mẹ anh P sống.

Tại phiên tòa hôm nay anh P vẫn giữ nguyên yêu cầu muốn đoàn tụ, nhưng trong thời gian sống ly thân anh P và chị N không có giải pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Xét thấy: Mâu thuẫn giữa chị N và anh P đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N đối với anh P là có căn cứ.

Về con chung: Chị N và anh P có một con chung tên Phạm Thanh Duy, sinh ngày 18/11/2017, hiện nay cháu Duy đang sống với chị N và chị N chăm sóc cháu Duy rất tốt. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận giao cháu Phạm Thanh Duy cho chị N trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Chị N và anh P không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: chị N và anh P trình bày không có.

[3] Xét thấy, đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh TN không chấp nhận kháng cáo của anh Phạm Thanh P là có căn cứ.

Từ những phân tích trên, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của anh Phạm Thanh P, chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh TN. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 46/2019/HNGĐ-ST ngày 08/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện BC, tỉnh TN.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của anh P không được chấp nhận nên anh P phải chịu tiền án phí Phúc thẩm theo khoản 1 Điều 29 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Phạm Thanh P. Giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình số 46/2019/HNGĐ-ST ngày 08/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện BC, tỉnh TN.

Áp dụng các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Phạm Thanh N. Chị N được ly hôn với anh P.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Thanh Duy, sinh ngày 18/11/2017 cho chị N tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận chị N không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Anh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị N và anh P không yêu cầu, nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị N và anh P trình bày không có, nên Tòa án không đặt ra xem xét.

5. Về án phí:

5.1 Án phí sơ thẩm: Chị Phạm Thanh N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0022068 ngày 15/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện BC, tỉnh TN. Chị N đã nộp xong tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Anh Phạm Thanh P không phải chịu tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5.2 Án phí phúc thẩm: Anh Phạm Thanh P phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm. Khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) anh P đã nộp theo biên lai thu số 0022211 ngày 21/11/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện BC. Ghi nhận đã nộp xong.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

-Phòng KTNV và THA TAT;
-VKS tỉnh TN;
-Chi cục THADS huyện BC;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ.

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Hồng Vân

Nơi nhận:

- Phòng KTNV và THA TAT;
- VKS tỉnh TN;
- Chi cục THADS huyện BC;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Hồng Vân

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
CÁC THẨM PHÁN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Sơn Lâm Văn Be

Phạm Thị Hồng Vân